

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG
CHO KỶ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin doanh nghiệp	1
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01a – DN)	2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02a – DN)	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03a – DN)	5
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09a – DN)	7

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số

0303576603

ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 20 tháng 6 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Dr Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên
Bà Chae Rhan Chun	Thành viên (từ ngày 24/4/2023)
Ông Ji Han Yoo	Thành viên (đến ngày 24/4/2023)
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên
Ông David Tan Wei Ming	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Danny Le	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Michael Hung Nguyen	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Dr Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Danny Le	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 01a – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.911.079.375.141	2.787.263.134.724
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	343.507.308.821	1.266.804.918.233
Tiền	111		128.983.308.821	26.980.918.233
Các khoản tương đương tiền	112		214.524.000.000	1.239.824.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	100.229.315.000
Chứng khoán kinh doanh	121	7(a)	-	100.229.315.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.496.551.013.034	1.351.974.885.831
Trả trước cho người bán	132		79.760.634.230	10.289.937.284
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5(a)	1.343.040.000.000	1.285.040.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5(c)	73.750.378.804	56.644.948.547
Tài sản ngắn hạn khác	150		71.021.053.286	68.254.015.660
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	114.880.003
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.881.917.629	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		68.139.135.657	68.139.135.657
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		51.834.484.534.479	49.931.867.970.024
Các khoản phải thu dài hạn	210		35.455.928.006.178	35.448.105.352.506
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5(b)	32.976.541.163.305	33.749.541.163.305
Phải thu dài hạn khác	216	5(d)	2.479.386.842.873	1.698.564.189.201
Tài sản cố định	220		9.336.201.423	10.755.917.774
Tài sản cố định hữu hình	221	6	9.336.201.423	10.755.917.774
Nguyên giá	222		52.090.499.223	52.090.499.223
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.754.297.800)	(41.334.581.449)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		4.697.122.903	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.697.122.903)	(4.697.122.903)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	16.236.272.280.099	14.334.572.280.099
Đầu tư vào các công ty con	251	7(b)	11.857.435.202.463	9.955.735.202.463
Đầu tư vào công ty liên kết	252	7(c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Tài sản dài hạn khác	260		132.948.046.779	138.434.419.645
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	132.948.046.779	138.434.419.645
TỔNG TÀI SẢN	270		53.745.563.909.620	52.719.131.104.748

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 01a – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2023 VND	1/1/2023 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		31.995.221.029.734	31.082.432.803.141
Nợ ngắn hạn	310		17.525.699.037.040	20.693.324.607.581
Phải trả người bán ngắn hạn	311		12.481.384.666	44.679.579.990
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313		7.096.722.423	3.178.849.040
Phải trả nhân viên	314		49.538.700	49.538.700
Chi phí phải trả	315	9	713.655.993.492	613.652.616.410
Phải trả ngắn hạn khác	319	10	4.355.275.680.456	3.745.896.023.441
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	11	12.437.139.717.303	16.285.868.000.000
Vay và nợ dài hạn	330		14.469.521.992.694	10.389.108.195.560
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	11	14.469.521.992.694	10.389.108.195.560
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.750.342.879.886	21.636.698.301.607
Vốn chủ sở hữu	410	12	21.750.342.879.886	21.636.698.301.607
Vốn cổ phần	411	13	14.237.247.830.000	14.237.247.830.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	13	8.723.127.701.079	8.723.127.701.079
Vốn khác của chủ sở hữu	414	14	(1.695.338.182.568)	(1.695.338.182.568)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		485.305.531.375	371.660.953.096
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		371.660.953.096	1.243.048.933.240
- Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		113.644.578.279	(871.387.980.144)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		53.745.563.909.620	52.719.131.104.748

Ngày 28 tháng 4 năm 2023

Người lập:

Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Đỗ Thị Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chínhDanny Le
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 02a – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

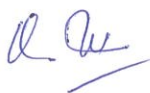
	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	924.889.242.967	52.367.841.319
Chi phí tài chính	22	16	744.785.820.023	598.569.492.035
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		683.703.737.059	522.568.214.825
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		66.487.193.169	59.188.499.421
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		113.616.229.775	(605.390.150.137)
Thu nhập khác	31		28.348.504	-
Chi phí khác	32		-	-
Kết quả của các hoạt động khác	40		28.348.504	-
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	50		113.644.578.279	(605.390.150.137)
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hiện hành	51		-	-
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế	60		113.644.578.279	(605.390.150.137)

Ngày 28 tháng 4 năm 2023

Người lập:

Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Đỗ Thị Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chínhDanny Le
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 03a – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Phương pháp gián tiếp)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	1		113.644.578.279	(605.390.150.137)
Điều chỉnh cho				
Khấu hao và phân bổ (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2		1.419.716.351	1.096.870.098
Lãi từ hoạt động đầu tư	4		(39.015.129.667)	7.999.975.720
Chi phí lãi vay và chi phí khác	5		(884.677.313.300)	(52.367.817.039)
	6		737.029.020.023	590.569.492.035
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8		(71.599.128.314)	(58.091.629.323)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	9		(72.108.575.282)	284.518.982.341
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(50.323.747.523)	(80.692.631.727)
Biến động các khoản trả trước	12		12.342.482.242	(674.170.818)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		100.229.315.000	-
			(81.459.653.877)	145.060.550.473
Tiền lãi vay đã trả	14		(556.390.992.583)	(570.768.356.195)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(637.850.646.460)	(425.707.805.722)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(362.226.500)	(1.444.769.020)
Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng	23		(278.000.000.000)	(17.600.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi ngân hàng	24		993.000.000.000	835.427.841.148
Chi tiền cho các khoản đầu tư	25		(1.901.700.000.000)	(5.188.010.188.341)
Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và thu nhập khác từ hoạt động đầu tư	27		86.867.416.578	9.884.197.862
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(1.100.194.809.922)	(4.361.742.918.351)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 03a – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ vay và phát hành trái phiếu	33		6.947.476.145.000	490.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay và trái phiếu	34		(6.132.728.282.697)	(160.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		814.747.862.303	330.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(923.297.594.079)	(4.457.450.724.073)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		1.266.804.918.233	4.934.770.809.881
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(15.333)	24.280
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	4	343.507.308.821	477.320.110.088

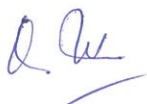
Ngày 28 tháng 4 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Thị Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỶ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quý riêng đính kèm.

1 ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) và thực hiện các hoạt động huy động vốn và đầu tư trên quy mô tập đoàn và cho các công ty thành viên.

Công ty sở hữu vốn trong các công ty con trực tiếp và công ty con gián tiếp (gọi chung là công ty thành viên), và thông qua các công ty này để tư vấn, quản lý hoạt động kinh doanh ở các công ty khác trong Tập đoàn (được hiểu là Công ty và các công ty thành viên).

Doanh thu và thu nhập của Công ty đến từ hoạt động tư vấn quản lý và quản lý các khoản đầu tư tại các công ty thành viên trong Tập đoàn còn được thể hiện thông qua các khoản thu nhập cổ tức được nhận từ các công ty thành viên, các khoản tiền lãi từ việc cho vay các công ty thành viên, lãi từ việc chuyển nhượng các công cụ tài chính và lãi từ việc chuyển nhượng vốn hoặc cổ phần từ các công ty thành viên trong Tập đoàn và các khoản thu nhập hợp pháp khác.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính quý hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ ba tháng kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính quý riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quý hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính quý riêng này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính quý riêng được lập cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỶ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023 (tiếp theo)

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính quý.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

3 TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính quý riêng này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính quý riêng này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023 (tiếp theo)

3 TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(c) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và công ty khác

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và công ty khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nâng cấp tài sản thuê 5 năm
- thiết bị văn phòng 3 - 5 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí nâng cấp tài sản thuê cho văn phòng mới chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình nâng cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023 (tiếp theo)

3 TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí đi vay trả trước

Chi phí đi vay trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian vay.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(j) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ được sử dụng.

(l) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023 (tiếp theo)**3 TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****(l) Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****(ii) Vốn khác của chủ sở hữu**

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

(m) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập cổ tức, thu nhập lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, lãi cho vay, lãi từ thanh lý các khoản đầu tư và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, chi phí đi vay được phân bổ và lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(p) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên được phát hành theo giá quy định trong nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/3/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	64.826.703	64.826.703
Tiền gửi ngân hàng	128.918.482.118	26.916.091.530
Các khoản tương đương tiền	214.524.000.000	1.239.824.000.000
	<u>343.507.308.821</u>	<u>1.266.804.918.233</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023 (tiếp theo)

5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/3/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu từ các công ty con	1.343.040.000.000	1.285.040.000.000
	<u>1.343.040.000.000</u>	<u>1.285.040.000.000</u>

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/3/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu từ các công ty con	32.976.541.163.305	33.749.541.163.305
	<u>32.976.541.163.305</u>	<u>33.749.541.163.305</u>

(c) Phải thu ngắn hạn khác

	31/3/2023 VND	1/1/2023 VND
Lãi phải thu từ các công ty con	40.565.007.667	20.629.436.433
Lãi ngân hàng phải thu	-	2.948.328.184
Ký quỹ ngắn hạn	359.965.000	359.965.000
Phải thu khác từ các công ty con	32.175.197.350	32.175.197.350
Phải thu khác	650.208.787	532.021.580
	<u>73.750.378.804</u>	<u>56.644.948.547</u>

(d) Phải thu dài hạn khác

	31/3/2023 VND	1/1/2023 VND
Lãi phải thu từ các công ty con	2.474.425.516.821	1.693.602.863.149
Ký quỹ dài hạn	4.961.326.052	4.961.326.052
	<u>2.479.386.842.873</u>	<u>1.698.564.189.201</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023 (tiếp theo)

6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	35.681.203.528	9.790.272.240	6.619.023.455	52.090.499.223
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	35.681.203.528	9.790.272.240	6.619.023.455	52.090.499.223
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu kỳ	30.395.085.584	8.780.815.716	2.158.680.149	41.334.581.449
Khấu hao trong kỳ	968.085.444	175.838.264	275.792.643	1.419.716.351
Số dư cuối kỳ	31.363.171.028	8.956.653.980	2.434.472.792	42.754.297.800
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	5.286.117.944	1.009.456.524	4.460.343.306	10.755.917.774
Số dư cuối kỳ	4.318.032.500	833.618.260	4.184.550.663	9.336.201.423

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3
NĂM 2023 (tiếp theo)**

7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/3/2023	1/1/2023
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (a)	-	100.229.315.000
	-	100.229.315.000
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào công ty con (b)	11.857.435.202.463	9.955.735.202.463
Đầu tư vào công ty liên kết (c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
	16.236.272.280.099	14.334.572.280.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023 (tiếp theo)

7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/3/2023			1/1/2023		
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu	-	-	-	1.000.000	100.229.315.000	-

Công ty mua các trái phiếu do một công ty con sở hữu gián tiếp phát hành nhằm mục đích nắm giữ trong thời gian ngắn (dưới 12 tháng) với lãi suất 9,3% một năm trong năm đầu tiên và 4,24% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023 (tiếp theo)

7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

	31/3/2023					1/1/2023				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
• Công ty Cổ phần Masan MEATLife ("MML")	78,7%	78,7%	2.030.991.202.463	-	(*)	78,7%	78,7%	2.030.991.202.463	-	(*)
• Công ty TNHH The Sherpa ("SHERPA")	99,9%	99,9%	9.726.454.000.000	-	(*)	99,9%	99,9%	7.824.754.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Zenith Investment ("Zenith")	99,9%	99,9%	99.990.000.000	-	(*)	99,9%	99,9%	99.990.000.000	-	(*)
			<u>11.857.435.202.463</u>	<u>-</u>	<u>(*)</u>			<u>9.955.735.202.463</u>	<u>-</u>	<u>(*)</u>

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính quý riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023 (tiếp theo)

7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên kết như sau:

	31/3/2023					1/1/2023				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank")	14,9%	14,9%	4.378.837.077.636	-	14.864.344.396.650	14,9%	14,9%	4.378.837.077.636	-	13.553.555.649.150

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Techcombank được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết tại các ngày tương ứng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023 (tiếp theo)**8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đi vay trả trước VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	2.863.624.826	135.570.794.819	138.434.419.645
Tăng trong kỳ	2.500.000.000	-	2.500.000.000
Phân bổ trong kỳ	(591.602.240)	(7.394.770.626)	(7.986.372.866)
Số dư cuối kỳ	<u>4.772.022.586</u>	<u>128.176.024.193</u>	<u>132.948.046.779</u>

9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/3/2023 VND	1/1/2023 VND
Lãi vay phải trả	682.298.378.238	536.735.918.560
Phí tư vấn	2.711.121.200	4.206.366.566
Khác	28.646.494.054	72.710.331.284
	<u>713.655.993.492</u>	<u>613.652.616.410</u>

10 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/3/2023 VND	1/1/2023 VND
Đặt cọc từ bên thứ ba liên quan hoạt động đầu tư	4.345.700.000.000	3.745.700.000.000
Cổ tức phải trả	25.942.160	25.942.160
Khác	9.549.738.296	170.081.281
	<u>4.355.275.680.456</u>	<u>3.745.896.023.441</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3
NĂM 2023 (tiếp theo)**

11 VAY VÀ TRÁI PHIẾU

	31/3/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngắn hạn	1.137.139.717.303	1.385.868.000.000
Vay dài hạn và trái phiếu đến hạn trả	11.300.000.000.000	14.900.000.000.000
	<u>12.437.139.717.303</u>	<u>16.285.868.000.000</u>
Vay và trái phiếu dài hạn		
Vay và trái phiếu dài hạn	<u>14.469.521.992.694</u>	<u>10.389.108.195.560</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023 (tiếp theo)

12 BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	11.805.346.920.000	11.084.246.541.079	(1.695.338.182.568)	2.382.028.759.640	23.576.284.038.151
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(871.387.980.144)	(871.387.980.144)
Phát hành cổ phiếu mới	2.431.900.910.000	(2.361.118.840.000)	-	-	70.782.070.000
Chia cổ tức	-	-	-	(1.138.979.826.400)	(1.138.979.826.400)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	14.237.247.830.000	8.723.127.701.079	(1.695.338.182.568)	371.660.953.096	21.636.698.301.607
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	113.644.578.279	113.644.578.279
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2023	14.237.247.830.000	8.723.127.701.079	(1.695.338.182.568)	485.305.531.375	21.750.342.879.886

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023 (tiếp theo)

13 VỐN CỔ PHẦN VÀ THẶNG DƯ VỐN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/3/2023		1/1/2023	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.423.724.783	14.237.247.830.000	1.423.724.783	14.237.247.830.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.423.724.783	14.237.247.830.000	1.423.724.783	14.237.247.830.000
Cổ phiếu lưu thông				
Cổ phiếu phổ thông	1.423.724.783	14.237.247.830.000	1.423.724.783	14.237.247.830.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	8.723.127.701.079	-	8.723.127.701.079

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Trong năm 2018, Công ty đã ký một thỏa thuận cấp cho SK Investment Vina I Pte. Ltd. ("SK"), một cổ đông, một quyền chọn bán. Trong trường hợp Công ty và SK không thực hiện được việc tạo ra giá trị và sự cộng hưởng từ mối quan hệ đối tác hoặc không đồng ý với các định hướng chiến lược của Công ty, SK có một quyền chọn không thể hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc người được chỉ định bởi Công ty mua lại toàn bộ 109.899.932 cổ phiếu của Công ty đã phát hành vào ngày 2 tháng 10 năm 2018 ("Ngày Hoàn Tất") với giá mỗi cổ phiếu là 100.000 VND, giá này sẽ được trừ đi các khoản chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và các khoản phân phối bằng cổ phiếu mà Công ty đã trả cũng như các sự kiện gộp hay chia tách cổ phiếu và các sự kiện tương tự. Quyền chọn này sẽ được thực hiện sau năm thứ 5 kể từ Ngày Hoàn Tất và trong năm thứ 6 kể từ Ngày Hoàn Tất. Quyền chọn này chỉ có thể được thực hiện một lần đối với toàn bộ số cổ phiếu trên và sẽ vô hiệu nếu SK bán bất kỳ cổ phiếu nào trong số đó.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023		Từ 1/1/2022 đến 31/12/2022	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ	1.423.724.783	14.237.247.830.000	1.180.534.692	11.805.346.920.000
Phát hành cổ phiếu mới thu tiền	-	-	7.083.207	70.832.070.000
Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	236.106.884	2.361.068.840.000
Số dư cuối kỳ	1.423.724.783	14.237.247.830.000	1.423.724.783	14.237.247.830.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023 (tiếp theo)**14 VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Thỏa thuận phát hành một số cổ định của cổ phiếu trong tương lai được công nhận dựa trên các giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận dưới vốn khác nếu không có giải pháp thay thế giải pháp khác.

15 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi, cho vay và hoạt động đầu tư	10.332.185.654	49.089.897.038
Thu nhập lãi từ các khoản cho các công ty con vay	874.345.127.646	3.277.920.001
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	40.211.929.667	24.280
	<u>924.889.242.967</u>	<u>52.367.841.319</u>

16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành và lãi từ khoản đặt cọc liên quan đến hoạt động đầu tư	683.703.737.059	522.568.214.825
Chi phí phát hành trái phiếu và chi phí đi vay	53.325.282.964	68.001.277.210
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.756.800.000	8.000.000.000
	<u>744.785.820.023</u>	<u>598.569.492.035</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023 (tiếp theo)

17 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính riêng này. Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 VND
Công ty con sở hữu trực tiếp			
Công ty TNHH The Sherpa	Góp vốn	1.901.700.000.000	-
	Cho vay	256.500.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	6.925.698.630	-
CTCP Masan MEATLife	Chi phí lãi vay	-	42.676.952.055
Công ty TNHH Zenith Investment	Thu nhập từ cho vay	1.972.603	-
Công ty con sở hữu gián tiếp			
Công ty Cổ Phần Hàng tiêu dùng Masan	Mua hàng	26.620.000	20.559.999
	Chia sẻ chi phí	394.500.000	500.943.150
Công ty Cổ phần Masan Blue	Thu hồi khoản cho vay	993.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	845.059.857.782	-
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan	Khoản vay đã nhận	884.000.000.000	-
	Khoản vay đã hoàn trả	1.132.728.282.697	-
	Chi phí lãi vay	21.721.183.962	6.184.972.603
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Thu nhập lãi cho vay	3.647.589.041	3.135.777.536
Công ty TNHH Vonfram Masan	Thu nhập lãi cho vay	11.835.616.439	-
CTCP Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp WinCommerce	Khoản vay đã nhận	-	330.000.000.000
	Chi phí lãi vay	-	5.112.739.726
CTCP Masan Agri	Cho vay	16.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	32.876.712	-
Công ty Cổ phần Mobicast	Cho vay	5.500.000.000	17.600.000.000
	Thu hồi khoản cho vay	-	130.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	6.841.516.439	142.142.466

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2023 (tiếp theo)

17 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 VND
Các bên liên quan khác Techcombank và các công ty con	Trái phiếu phát hành (Đại lý phát hành)	1.500.000.000.000	-
	Phí phát hành trái phiếu	9.120.000.000	-
Thành viên quản lý chủ chốt	Thù lao cho thành viên quản lý chủ chốt	13.800.417.144	16.994.092.323

Ngày 28 tháng 4 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Thị Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc

